

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2026/DS-ST
Ngày: 23 - 3 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Xuân Tình.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đông Hà.

Bà Phạm Kim Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Cần Thơ.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 68/2025/TLST-DS ngày 20/10/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2026/QĐST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Mộng T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: khu V, phường V, thành phố Cần Thơ. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Huỳnh Ngọc H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: khu V, phường V, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lâm Mộng T trình bày: Vào ngày 12/8/2020, bà có cho bà Huỳnh Ngọc H vay số tiền 93.000.000 đồng, có làm biên nhận và hai bên có thuận miệng là trả lãi theo lãi suất Ngân hàng là 10%/năm, trả lãi hàng tháng. Tuy nhiên, sau khi vay thì bà Huỳnh Ngọc H không trả tiền gốc và tiền lãi cho bà mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu.

Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Cần Thơ đề yêu cầu: Buộc bà Huỳnh Ngọc H trả cho bà số tiền vay còn nợ tổng cộng là 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng). Ngoài ra, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Ngọc H vắng mặt nên chưa có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa, bà Lâm Mộng T vẫn giữ nguyên yêu cầu; bà Huỳnh Ngọc H vắng mặt nên chưa có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Lâm Mộng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Ngọc H phải trả số tiền vay còn nợ nên Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Huỳnh Ngọc H cư trú tại khu V, phường V, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Cần Thơ theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về xét xử vắng mặt: Bị đơn bà Huỳnh Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Huỳnh Ngọc H.

[4] Về số tiền nợ:

[4.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Lâm Mộng T cho rằng vào ngày 12/8/2020, bà có cho bà Huỳnh Ngọc H vay số tiền 93.000.000 đồng. Đồng thời, bà có cung cấp được biên nhận nợ có chữ ký của bà Huỳnh Ngọc H (Bút lục số 02). Theo biên nhận có thể hiện “Huỳnh Ngọc H có hỏi Lâm Mộng T số tiền 93.000.000 đồng”. Điều này chứng tỏ bà Huỳnh Ngọc H có vay của bà Lâm Mộng T số tiền 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng).

[4.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Cần Thơ đã ban hành các văn bản tố tụng và tổng đạt cho bà Huỳnh Ngọc H theo quy định nhưng bà Huỳnh Ngọc H không đồng ý nhận. Tòa án đã niêm yết các tài liệu vừa nêu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Ngọc H cố tình vắng mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến đối với nội dung trình bày của nguyên đơn cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh bà Huỳnh Ngọc H không có nhận số tiền 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng) của bà Lâm Mộng T hoặc có nhận nhưng đã trả đủ. Do vậy, theo quy định

tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì những tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn đưa ra nhưng phía bị đơn không có ý kiến phản đối thì chứng cứ này được xem là có giá trị và được sử dụng làm căn cứ để giải quyết vụ án. Việc bị đơn không đến Tòa án là đã từ bỏ quyền được chứng minh, phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào biên nhận nợ có chữ ký của bị đơn do nguyên đơn cung cấp; đồng thời, do bị đơn không có ý kiến phản đối và không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã thanh toán hoặc không có giao dịch vay, nên có đủ cơ sở xác định giữa các bên có quan hệ vay tài sản và bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 93.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Huỳnh Ngọc H phải trả lại số tiền 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Do nguyên đơn bà Lâm Mộng T không có yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà Huỳnh Ngọc H phải chịu án phí theo quy định 4.650.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng); Bà Lâm Mộng T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 244 và 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 357, 466, 468, 469 và 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Mộng T. Buộc bà Huỳnh Ngọc H phải có trách nhiệm trả cho bà Lâm Mộng T số tiền còn nợ là 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng).

2. Về án phí: Bà Huỳnh Ngọc H phải chịu án phí là 4.650.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng); Bà Lâm Mộng T được nhận lại 2.325.000 đồng (Hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004282 ngày 06 tháng 10 năm 2025 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11, thành phố Cần Thơ.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND TP. Cần Thơ.
- VKSND Khu vực 11 - Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 11 - Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Xuân Tình

